|  |
| --- |
| CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH HẬU GIANG**CHI CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ THÀNH PHỐ VỊ THANH** |
| **TCVN ISO 9001:2015** |
| **QUY TRÌNH**  |
| **XÁC NHẬN KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN** |
|  |
|  | **MÃ HIỆU** | **:** | **QT.NV.06** |  |
|  | **LẦN BAN HÀNH** | **:** | **01** |  |
|  | **NGÀY BAN HÀNH** | **:** | **30/8/2021**  |  |
|  |
|  | **SOẠN THẢO** | **SOÁT XÉT** | **PHÊ DUYỆT** |
| **Họ và tên** | **Nguyễn Văn Nở** | **Lý Hoàng Bảo** | **Trần Thanh Tuấn** |
| **Chữ ký** |  |  |  |
| **Chức vụ** | **Thư ký Ban Chỉ đạo ISO** | **Thành viên Ban Chỉ đạo ISO** | **Chi cục trưởng** |

**MỤC LỤC**

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

**SỬA ĐỔI TÀI LIỆU**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung** | **Trang / Phần liên quan việc sửa đổi** | **Mô tả nội dung sửa đổi** | **Lần sửa đổi** | **Ngày sửa đổi** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

1. **MỤC ĐÍCH**

Quy định trình tự, thủ tục việc xác nhận kết quả thi hành án.

1. **PHẠM VI**

Quy trình được áp dụng đối với đương sự *(tổ chức, cá nhân)* có nhu cầu xác nhận kết quả thi hành án; Chấp hành viên tổ chức thi hành án và Bộ phận một cửa có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

3. **TÀI LIỆU VIỆN DẪN**

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

- Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 ngày 14/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự số 64/2014/QH13 ngày 25/11/2014.

- Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự.

- Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự.

- Thông tư  số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của  Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự.

1. **ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT**

THADS: Thi hành án dân sự.

* **NỘI DUNG QUY TRÌNH**

|  |  |
| --- | --- |
| **5.1** | **Cơ sở pháp lý** |
|  | - Luật Thi hành án dân sự số 26/2008/QH12 ngày 14/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự số 64/2014/QH13 ngày 25/11/2014.- Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự.- Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự.- Thông tư  số 01/2016/TT-BTP ngày 01/02/2016 của  Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự. |
| **5.2** | **Thành phần hồ sơ** | **Bản chính** | **Bản sao** |
|  | - Đơn đề nghị xác nhận kết quả thi hành án | x |  |
|  | - Bản án, Quyết định của Tòa án |  | x |
|  | - Quyết định thi hành án của cơ quan THADS |  | x |
| **5.3** | **Số lượng hồ sơ** |
|  | 01 bộ |
| **5.4** | **Thời gian xử lý** |
|  | Trong thời hạn 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được yêu cầu của đương sự)  |
| **5.5** | **Nơi tiếp nhận và trả kết quả** |
|  | Bộ phận một cửa |
| **5.6** | **Lệ phí** |
|  | Không |
| **5.7** | **Quy trình xử lý công việc** |
| **QUY TRÌNH XỬ LÝ CÔNG VIỆC** |
| **TT** | **Trình tự** | **Trách nhiệm** | **Thời gian** | **Biểu mẫu/Kết quả** |
| **B1** | - Nộp hồ sơ đề nghị xác nhận kết quả thi hành án tại Bộ phận một cửa.- Kê khai thông tin đề nghị xác nhận kết quả thi hành án tại Cổng hỗ trợ trực tuyến thi hành án dân sự. | Cá nhân, tổ chức | Giờ hành chính | Đơn đề nghịBM.NV.06.01 |
| **B2** | Kiểm tra hồ sơ:- Trường hợp đủ hồ sơ thì ghi phiếu nhận đơn, hẹn ngày trả kết quả.- Trường hợp không đủ hồ sơ thì hướng dẫn thực hiện theo quy định. | Bộ phận một cửa | ½ ngày | - Phiếu nhận đơnBM.NV.06.02- Cấp mã số hỗ trợ trực tuyến, nhận kết quả hỗ trợ trực tuyến. |
| **B3** | Kiểm tra, rà soát Sổ thụ lý  | - Bộ phận một cửa chuyển hồ sơ | 01 ½ ngày |  |
| **B4** | Dự thảo xác nhận kết quả thi hành án | - Bộ phận một cửa chuyển hồ sơ | 01 ngày |  |
| - Đối với hồ sơ thi hành dở dang | - Bộ phận một cửa chuyển hồ sơ cho chấp hành viên |  |  |
| - Đối với hồ sơ thi hành xong đưa vào lưu trữ | Bộ phận một cửa đề xuất Thủ trưởng cơ quan rút hồ sơ lưu trữ |  |  |
| **B5** | Duyệt hồ sơ, ký giấy xác nhận kết quả thi hành án. | Thủ trưởng cơ quan THADS | 01 ngày | Giấy xác nhận kết quả thi hành án được ký, đóng dấuBM.NV.06.03  |
| **B6** | Trả giấy xác nhận kết quả thi hành án cho cá nhân, tổ chức | Bộ phận một cửa/ cán hân, tổ chức | 01 ngày | - Yêu cầu xác nhận kết quả thi hành án đã được giải quyết.- Nộp hồ sơ giấy đối với trường hợp trực tuyến và nhận giấy xác nhận kết quả. |

**6. BIỂU MẪU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã hiệu** | **Tên Biểu mẫu** |
| **1.** | BM.NV.06.01 | Đơn đề nghị xác nhận kết quả thi hành án |
| **2.** | BM.NV.06.02  | Phiếu nhận đơn |
| **3.**  | BM.NV.06.03  | Mẫu xác nhận kết quả thi hành án |

**7. HỒ SƠ CẦN LƯU**

|  |  |
| --- | --- |
| **TT** | **Hồ sơ lưu** |
|  | Đơn đề nghị xác nhận kết quả thi hành án |
|  | Bản án, Quyết định củaTòa án |
|  | Quyết định thi hành án của cơ quan THADS |
|  | Giấy xác nhận kết quả thi hành án |